

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

ĐỖ THỊ THANH GIANG

**TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI
ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ
TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. HOÀNG VĂN HÙNG

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà**

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ	5
1.1. KHÁI NIỆM TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ	5
1.2. SỰ CẦN THIẾT VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC QUI ĐỊNH TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ TRONG LUẬT HÌNH SỰ	9
1.2.1. Sự cần thiết.....	9
1.2.2. Ý nghĩa	10
1.3. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	13
1.3.1. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử trước pháp điển hóa	13
1.3.2. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử khi pháp điển hóa	20
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	23
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ THEO QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999	24
2.1. CHỦ THỂ CỦA TỘI PHẠM.....	24
2.2. KHÁCH THỂ CỦA TỘI PHẠM.....	27
2.3. MẶT KHÁCH QUAN CỦA TỘI PHẠM	28
2.4. MẶT CHỦ QUAN CỦA TỘI PHẠM.....	36
2.5. HÌNH PHẠT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ	39

2.5.1. Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự	39
2.5.2. Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 311 Bộ luật hình sự.....	40
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	44
Chương 3: THỰC TIỄN XÉT XỬ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ'	45
3.1. THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI "TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ " TRONG 5 NĂM GẦN ĐÂY (2009 - 2013).....	45
3.1.1. Thực trạng và diễn biến tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang xét xử, đang dẫn giải	45
3.1.2. Cơ cấu và tính chất của tình hình tội trốn khỏi nơi giam, giữ	47
3.1.3. Nhân thân người phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ	52
3.2. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÉT XỬ TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ"	55
3.2.2. Phương hướng hoàn thiện nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội trốn khỏi nơi giam, giữ	55
3.2.3. Các giải pháp cụ thể	70
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	81
KẾT LUẬN.....	83
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	86

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, các cơ quan tư pháp có vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo quyền lực của nhân dân, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác góp phần đảm bảo an ninh chính trị và an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Ngay từ đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến các kỳ đại hội sau này Đảng ta đều đánh giá cao vai trò của các cơ quan tư pháp đã liên tục đưa ra các chủ trương đề công tác tư pháp đáp ứng được trong tình hình mới như các biện pháp về tổ chức, quy định về chức năng, quyền hạn, tăng cường về cơ sở vật chất, đào tạo, các biện pháp về pháp luật trong đó có biện pháp pháp luật hình sự là một biện pháp có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ cho hoạt động tư pháp tránh khỏi sự xâm hại từ phía tội phạm.

Tuy nhiên hoạt động tư pháp còn bộc lộ nhiều hạn chế như chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp chưa được hoàn thiện, đội ngũ còn thiếu và yếu, cơ sở vật chất làm việc của các cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, lạc hậu. Những hạn chế trên ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của các cơ quan tư pháp. Với tầm quan trọng như vậy, việc đảm bảo cho sự hoạt động của các cơ quan tư pháp là một yêu cầu bức thiết.

Từ trước khi có Bộ luật hình sự 1985, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp đã được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, đến khi có Bộ luật hình sự thì loại tội phạm này đã được quy định thành một chương vừa có tính chất của tội phạm là xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp mà còn thể hiện thái độ cương quyết đấu tranh đối với loại tội phạm này.

Trong các tội phạm hoạt động tư pháp thì tội Trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử (sau đây còn gọi tắt là tội trốn khỏi nơi giam, giữ) chiếm tỷ lệ nhiều nhất và vì vậy gây tác hại lớn nhất đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp, trật tự an toàn xã hội, gây mất lòng tin của nhân dân vào pháp luật. Tuy nhiên, những năm qua chưa có công trình nào nghiên cứu đầy đủ toàn diện tội phạm này mặc dù cả lý luận và thực tiễn đang đặt ra nhiều vấn đề đấu tranh phòng và chống tội phạm nói trên. Do đó, tôi đã chọn đề tài "Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử trong pháp luật hình sự Việt Nam" để làm luận văn cao học.

2. Tình hình nghiên cứu

Các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp trong những năm qua ít được nghiên cứu sâu, đồng bộ và toàn diện. Cuối thập kỷ 90 các tác giả Phạm Thanh Bình và Nguyễn Vạn Nguyên đã viết cuốn *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp*, 1990, Nxb Pháp lý theo hình thức bình luận Bộ luật hình sự, cũng giống như giáo trình của các trường Đại học, nhằm đưa ra những khái niệm, những cấu thành cơ bản nhất của loại tội phạm này và sau đó cũng có

một số tác giả cũng đã viết về vấn đề này hoặc các thông tư hướng dẫn cũng nhằm giải thích một số khái niệm, hướng dẫn về định lượng nhằm đáp ứng công tác xét xử. Công trình khoa học tiếp theo là luận án phó tiến sĩ luật học của tác giả Nguyễn Tất Viễn đề cập đến nhóm "Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp" trong Bộ luật hình sự không đi sâu vào nguyên nhân và điều kiện phạm tội dưới góc độ tội phạm học. Gần đây, thì có công trình nghiên cứu của tác giả Trần Quân viết về "Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử ở Việt nam - Thực trạng và giải pháp".

Tuy nhiên, các tác giả nghiên cứu chủ yếu về nguyên nhân và điều kiện phạm tội chứ không đi sâu vào các quy định của Bộ luật hình sự do đó tôi chọn đề tài **"Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử trong pháp luật hình sự Việt Nam"** để làm luận văn tốt nghiệp, nhằm khái quát sự hình thành và phát triển các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng đối với tội trốn khỏi nơi giam, đồng thời nghiên cứu các quy định của luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội phạm này. Phân tích và làm rõ thực trạng tội trốn khỏi nơi giam ở Việt Nam hiện nay và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trốn khỏi nơi giam.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

*** Mục đích nghiên cứu:**

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ các quy định của pháp luật hình sự Việt nam về tội "Trốn khỏi nơi giam, giữ", đánh giá đúng tình hình phạm tội, đưa ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

*** Nhiệm vụ nghiên cứu:**

Để đạt được mục đích trên, luận văn phải thực hiện nhiệm vụ sau:

- Khái quát về mặt lịch sử lập pháp của Việt nam từ trước đến nay về tội "Trốn khỏi nơi giam, giữ".
- Phân tích cơ sở trách nhiệm hình sự của tội phạm.
- Thực tiễn xét xử tội phạm trong 5 năm trở lại của tội trốn khỏi nơi giam, giữ.
- Phương hướng hoàn thiện và nâng cao hiệu quả xét xử đối với tội "Trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử".

4. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

Luận văn giới hạn ở việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về tội trốn khỏi nơi giam, giữ theo Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 và thực tiễn xét xử tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong 5 năm gần đây (2009 - 2013).

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài thực hiện trên cơ sở của phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đồng thời sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể khác như lịch sử, thống kê, phân tích tổng hợp, so sánh...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Lần đầu tiên với phạm vi của một luận văn cao học nghiên cứu đầy đủ, toàn diện về tội "Trốn khỏi nơi giam, giữ" trên hai phương diện luật hình sự.
- Khái quát đánh giá được các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trong đấu tranh phòng, chống tội trốn khỏi nơi giam, giữ.

- Nắm được kết quả thực tiễn xét xử tội phạm này và đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả xét xử.

- Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, đào tạo, các cơ quan bảo vệ pháp luật có thể dùng để rút kinh nghiệm trong công tác điều tra, truy tố, xét xử.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài mở đầu và kết luận. Luận văn gồm 3 chương.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ

1.1. Khái niệm Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử

Khái niệm về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp được quy định ở Điều 292 Bộ luật hình sự 1999 cho thấy hành vi phạm tội này là các hành vi nguy hiểm cho xã hội, do những người có nhiệm vụ tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng hoặc những người khác thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp (trong một số trường hợp còn xâm hại đến cả các quyền của công dân cũng như quyền lợi của Nhà nước, của tổ chức) thông qua hành vi lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ quyền hạn của người là cán bộ, nhân viên trong các cơ quan tư pháp hoặc qua hành vi cản trở hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp do những người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức những người tham gia tố tụng hoặc những người khác thực hiện.

Theo qui định này thì Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử có các đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, tội trốn khỏi nơi giam là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Đây là đặc điểm thể hiện bản chất xã hội và thuộc tính khách quan của tội phạm, là căn cứ để phân biệt hành vi là tội phạm với các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Thứ hai, Tội trốn khỏi nơi giam, giữ là hành vi bị luật hình sự cấm (còn gọi là tính trái pháp luật hình sự của tội phạm). Đây là đặc điểm pháp lý (hình thức) của các tội phạm được quy định trong luật hình sự nói chung và tội trốn khỏi nơi giam, giữ nói riêng.

Thứ ba, tội trốn khỏi nơi giam do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý. Ở tội trốn khỏi nơi giam, giữ lỗi của chủ thể khi thực hiện tội phạm là lỗi cố ý: người phạm tội nhận thức rõ hành vi bỏ trốn là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi do mình gây nên nhưng vẫn mong muốn cho hậu quả xảy ra.

Thứ tư, tội phạm này xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp, đồng thời xâm phạm đến chế độ giam giữ của trại giam và tạm giữ. Hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ của người bị tạm giam, bị giam, người bị tạm giữ gây khó

khẩn cho hoạt động của các cơ quan tư pháp trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, làm cho hoạt động này bị kéo dài về thời gian hoặc vụ án có thể không thực hiện được ở các giai đoạn do người phạm tội bỏ trốn. Hành vi trốn này làm cho tính đúng đắn của hoạt động tư pháp không được tuân thủ, tức là không thể tiến hành theo luật định khi có hành vi phạm tội xảy ra.

Mặc dù Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) không đưa ra định nghĩa pháp lý về Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử. Song, xuất phát từ khái niệm tội phạm quy định tại Điều 8 Bộ luật hình sự, đồng thời, dựa vào khái niệm Tội hoạt động tư pháp qui định tại Điều 292 cho phép ta đưa ra khái niệm về tội trốn khỏi nơi giam, giữ như sau:

Trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử là hành vi bỏ trốn của người đang bị giam, giữ, đang bị dẫn giải hoặc đang bị xét xử thực hiện một cách cố ý xâm hại đến trật tự tư pháp, đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

1.2. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc qui định Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử trong Luật hình sự

1.2.1. Sự cần thiết

Trong cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, hệ thống các cơ quan tư pháp giữ một vị trí rất quan trọng. Hệ thống tư pháp trước hết được coi là một trong những yếu tố của hệ thống kiểm tra, kiểm soát xã hội; thứ hai hệ thống cơ quan tư pháp được coi là một khâu trong cơ cấu thực thi quyền tư pháp bảo đảm việc xét xử và và giải quyết vụ án đúng đắn; và cuối cùng hệ thống tư pháp được coi là một hệ thống của cả quá trình áp dụng pháp luật từ phía cơ quan Nhà nước. Trong hệ thống đó thì Tòa án giữ vị trí trung tâm, các khâu khác giữ vị trí tương đối độc lập với Tòa án.

Với vị trí quan trọng đặc biệt, hệ thống các cơ quan tư pháp nói chung và Tòa án nói riêng là công cụ đắc lực để bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ công lý, giữ gìn trật tự kỷ cương xã hội, bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, điều kiện cần thiết để bảo đảm việc duy trì công lý nói chung và hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước khác là phải đảm bảo cho sự hoạt động của cơ quan tư pháp được bình thường.

Do đó cần thiết phải được bảo vệ bằng luật hình sự.

1.2.2. Ý nghĩa

Thứ nhất, việc qui định tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử trước hết bảo vệ được lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đề cao tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật xã hội chủ nghĩa

Thứ hai, việc qui định tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử có ý nghĩa là cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi phạm tội, thông qua đó tính nghiêm minh của pháp luật được tôn trọng, các quyền và lợi ích hợp pháp được bảo đảm.

Thứ ba, việc qui định tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử góp phần đề cao ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần trách

nhiệm của những cán bộ công tác trong các cơ quan tư pháp. Đồng thời, giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần tự giác của công dân tham gia vào công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

1.3 Lịch sử hình thành và phát triển Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử trong luật hình sự Việt Nam

1.3.1. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử trước pháp điển hóa

1.3.1.1. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong Bộ luật Hồng Đức và Bộ luật Gia Long

Bộ luật Hồng Đức là bộ luật tương đối hoàn chỉnh điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội lúc bấy giờ gồm cả quan hệ hình sự, tổ tụng hình sự cả quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình. Ngay từ thời kỳ này nhà nước phong kiến Việt Nam đã có sự quan tâm đối với các loại tội phạm về lĩnh vực tư pháp, đặc biệt là trong 722 điều luật đã có đến 13 điều ở chương 12 (chương Bộ vong) quy định các vấn đề về tội phạm bỏ trốn.

Bộ luật Hồng Đức quy định rất rõ và rất nhiều hành vi bỏ trốn bị xử phạt và hình phạt cũng rất nghiêm khắc Điều 650 “ Những bị tội lưu, đồ chưa đến hạn tha mà bỏ trốn thì đều xử chém. Người cai quản lơ đễng để tù đồ, lưu trốn thì xử nhẹ hơn ba bậc tội tù trốn đó, quan ti, giám đương bị xử biếm, phạt. Cố ý thả cho tù trốn thì xử đồng tội với nó. Nếu bắt lại được thì được trừ tội. Tù phạm trốn đến làng xã nào thì quan xã đó phải bắt nộp quan. Nếu dung túng bao che thì xử tội như tù trốn đó, nhưng nhẹ hơn một bậc.”

Như vậy, từ thế kỷ XV nhà nước phong kiến đã rất quan tâm đến việc cai quản tù nhân và nghiêm trị những hành vi xâm phạm đến việc quy định của nhà nước. Trong Bộ luật Hồng Đức quy định nhiều hành vi liên quan đến hành vi bỏ trốn của phạm nhân. Những hành vi này đều bị xử lý về hình sự như hành vi bỏ trốn của phạm nhân, hành vi bao che người bỏ trốn, không tố giác người bỏ trốn, chứa chấp người bỏ trốn, hành vi cai tù để phạm nhân bỏ trốn, hành vi truy bắt người bỏ trốn không đạt kết quả

Hoàng Việt Luật Lệ (hay còn gọi là Bộ Luật Gia Long) là một trong hai Bộ luật lớn nhất của các triều đình phong kiến Việt Nam. Trong Bộ luật có các điều quy định về tội phạm bỏ trốn như: Quy định các hành vi bỏ trốn của người là tội phạm, các hành vi liên quan đến tội phạm bỏ trốn tại các điều:

- Điều 24 Người phạm tội cùng trốn (Mục về luật lệ)
- Điều 354 Tù trốn khỏi nhà giam và phản đối giam, đang trốn
- Điều 355 Tội lưu đồ bỏ trốn
- Điều 357 Coi tù nhân không cẩn thận bị xảy tù
- Điều 358 Biết tình mà chứa giấu tội nhân
- Điều 364 Cho người tù dao nhọn để họ trốn thoát

Trong Bộ luật Gia Long cũng quy định rất nhiều hành vi liên quan đến việc bỏ trốn kể cả các hành vi bỏ trốn khi bị dẫn giải, khi đang hỏi cung... Hình phạt cũng rất nghiêm khắc, đối với tù nhân bị lưu, đồ bỏ trốn ở nơi làm việc hoặc trong khi dẫn giải thì đều chung hình phạt: Mỗi ngày 50 roi, 30 ngày thêm bậc tội. Tuy nhiên so với Điều 650 Bộ luật Hồng Đức thì nhẹ hơn rất nhiều (hình phạt đối với

tội lưu, đồ mà bỏ trốn là chém).

1.3.1.2. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong các bộ luật thời Pháp thuộc

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam đất nước ta bị chia cắt thành 3 vùng, ứng với mỗi vùng miền này thực dân Pháp ban hành một bộ luật thay thế cho Bộ luật Gia Long đang áp dụng trên cả nước. Đó là Bộ luật hình An nam năm 1921 ở Bắc Kỳ, Bộ Hoàng Việt hình luật năm 1933 ở Trung kỳ, Bộ luật Canh Cải năm 1912 ở Nam Kỳ. Các bộ luật này cũng đều có các quy định về tội trốn khỏi nơi giam, giữ.

Như vậy, có thể thấy các triều đại phong kiến (kể cả thời kỳ thực dân Pháp đô hộ nước ta) đều quy định về tội trốn khỏi nơi giam với hình phạt rất nghiêm khắc.

1.3.1.3. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ sau năm 1945 trong pháp luật hình sự Việt Nam trước khi pháp điển hóa luật hình sự lần thứ nhất

Tội trốn khỏi nơi giam, giữ được quy định trong các Bộ luật cũ vẫn tạm thời được áp dụng. Đến ngày 10-7-1959 Toà án nhân dân tối cao ra chỉ thị số 772-TATC cho các toà án đình chỉ áp dụng luật pháp cũ của đế quốc và phong kiến.

Năm 1954 Miền Bắc hoàn toàn giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội, ở Miền Bắc Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản về pháp luật trong đó có các văn bản về hình sự và tố tụng hình sự. Đó là các sắc luật về trừng trị tội phạm, trong đó có quy định về tội trốn khỏi nơi giam, giữ. Sắc luật số 02/SLt ngày 18/6/1957 quy định các trường hợp phạm pháp quả tang và các trường hợp khẩn cấp. Chính phủ cũng quy định tại Nghị định số 301-TTg ngày 10/7/1957 hướng dẫn thi hành sắc luật số 103/SL/005 ngày 20/5/1957 về bảo đảm quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân trong đó đã quy định các hành vi bỏ trốn trong lúc dẫn giải, vượt trại giam là hành vi nguy hiểm cho xã hội và cần phải trừng trị bằng pháp luật hình sự.

Theo các văn bản pháp luật trên thì các hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn trong khi đang bị dẫn giải đều bị coi là tội phạm. Đến năm 1967 Nhà nước ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng, tại điều 16 có quy định tội phá trại giam, đánh cướp can phạm, tổ chức vượt trại giam, trốn tù.

Năm 1975 Miền Nam hoàn toàn giải phóng đất nước. Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15-3-1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời CMMNVN quy định các tội phạm, hình phạt và Thông tư số 03-BTP/TT hướng dẫn thi hành sắc luật quy định các tội phạm và hình phạt.

Sắc luật và Thông tư hướng dẫn quy định hành vi trốn khỏi nơi giam là tội phạm hình sự nhưng hành vi này được coi là tội xâm phạm đến trật tự công cộng chứ không phải là hành vi xâm phạm đến hoạt động của các cơ quan tư pháp. Hình phạt của loại tội này cũng rất nghiêm khắc có thể bị hình phạt đến 15 năm tù. Tuy nhiên theo quy định của sắc luật thì các hành vi trốn khỏi nơi giam có thể bị xử lý về hình sự nhưng cũng có thể chỉ xử lý về hành chính hoặc phạt tiền tùy thuộc vào mức độ nguy hiểm.

1.3.2. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử khi pháp điển hóa

Tội trốn khỏi nơi giam, giữ theo Bộ luật hình sự năm 1985

Bộ luật hình sự 1985 quy định tội trốn khỏi nơi giam tại Điều 245, chương X “Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp”. Bộ luật 1985 coi hành vi trốn khỏi nơi giam là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm hại đến tính đúng đắn hoạt động của các cơ quan tư pháp đó là các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Theo quy định của điều luật này thì khách thể của tội trốn khỏi nơi giam là sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và các trại cải tạo người phạm tội đã bị kết án phạt tù giam. Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện ở việc người phạm tội có hành vi bỏ trốn và hành vi bỏ trốn phải xảy ra trong quá trình can phạm đang bị giam hoặc bị dẫn giải (đang bị giam, bao gồm cả tạm giam, bị giam, dẫn giải do thực hiện lệnh bắt để tạm giam, do chuyển trại, dẫn giải người bị giam, đến phòng xử án hoặc về trại giam khi toà án đã xét xử xong vụ án). Về mặt chủ quan của tội phạm hành vi trốn khỏi nơi giam, tội được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Cũng theo điều luật này thì những người bị tạm giữ, người đang bị tạm giữ hành chính, đang bị đưa vào cơ sở giáo dục theo quyết định hành chính thì không phải là chủ thể của tội trốn khỏi nơi giam. Cùng với việc quy định thành một tội cụ thể trong Bộ luật hình sự.

Qua nghiên cứu pháp luật hình sự quy định về tội trốn khỏi nơi giam, giữ cho thấy bất kỳ thời kỳ nào Nhà nước cũng đều quy định rất chặt chẽ hành vi phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ. Pháp điển hóa lần thứ 2 BLHS năm 1999 các hành vi phạm tội được quy định chặt chẽ và đã được bổ sung đầy đủ hơn so với quy định của BLHS năm 1985 trong chương này đã trình bày đầy đủ các dấu hiệu pháp lý của tội trốn khỏi nơi giam, giữ, hậu quả của tội phạm cũng như các dấu hiệu pháp lý đặc trưng cần được làm rõ để đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật làm cơ sở pháp lý để đấu tranh với loại tội phạm này.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

1. Pháp luật hình sự Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử luôn luôn có những quy định về các hành vi bỏ trốn khi bị giam, giữ hoặc dẫn giải là tội phạm vì nó xâm phạm đến hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật, pháp luật bị coi thường và không được thực thi trên thực tế. Chính vì tính chất nghiêm trọng của hành vi này nên từ thời kỳ phong kiến, Pháp thuộc cho đến khi đất nước ta hoàn toàn độc lập đều có quy định hành vi bỏ trốn đó là tội phạm, hơn nữa các hành vi còn được bổ sung như Bộ luật hình sự năm 1999. Điều này cho thấy do tính chất nghiêm trọng nó nên Nhà nước luôn thể hiện thái độ đấu tranh kiên quyết đối với loại tội phạm này.

2. Qua nghiên cứu pháp luật hình sự quy định về tội trốn khỏi nơi giam, giữ cho thấy bất kỳ thời kỳ nào Nhà nước cũng đều quy định rất chặt chẽ hành vi phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ. Pháp điển hóa lần thứ 2 BLHS năm 1999 các hành vi phạm tội được quy định chặt chẽ và đã được bổ sung đầy đủ hơn so với quy định của BLHS năm 1985 trong chương này đã trình bày đầy đủ các dấu hiệu pháp lý của tội trốn khỏi nơi giam, giữ, hậu quả của tội phạm cũng như các dấu hiệu pháp lý đặc trưng cần được làm rõ để đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật làm cơ sở pháp lý để đấu tranh với loại tội phạm này.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ THEO QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

2.1 Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm này là cũng là chủ thể đặc biệt, chỉ những người đang bị giam, đang bị giữ, đang bị dẫn giải hoặc đang bị xét xử mới có thể trở thành chủ thể của tội phạm này, nếu họ đến một độ tuổi quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự và không thuộc trường hợp quy định tại Điều 13 Bộ luật hình sự về tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự.

2.2. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm này cũng tương tự như khách thể của các tội phạm quy định tại các Điều 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310 Bộ luật hình sự, khách thể của tội phạm này là xâm hại đến hoạt động đúng đắn chứ không phải hoạt động bình thường của các cơ quan tư pháp, đó là các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Đối tượng tác động của tội phạm này mà người phạm tội nhằm vào là sự giám sát của các lực lượng bảo vệ, canh gác, dẫn giải. Người phạm tội có thể lợi dụng sự mất cảnh giác của lực lượng bảo vệ, canh gác, dẫn giải để bỏ trốn, nhưng cũng có thể người phạm tội dùng những thủ đoạn khác như: mua chuộc, khống chế hoặc dùng vũ lực đối với lực lượng bảo vệ, canh gác, dẫn giải để thực hiện được mục đích của họ là bỏ trốn.

2.3. Mặt khách quan của tội phạm

Thứ nhất, hành vi khách quan

** Người phạm tội có hành vi bỏ trốn*

Các hành vi này được thực hiện bằng nhiều hình thức và thủ đoạn khác nhau như lợi dụng sơ hở của người canh gác, dẫn giải, lợi dụng những khó khăn vật chất trong việc giam, giữ không đảm bảo như trại giam, nhà tạm giữ xuống cấp, hư hỏng chưa đảm bảo độ chiếu sáng, độ cao của tường rào... chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định đối với nhà tạm giam, tạm giữ, trại cải tạo.

Hành vi trên còn được thực hiện cả trong trường hợp tội phạm dùng vũ lực đối với lực lượng canh gác.

Có trường hợp tội phạm còn được thực hiện qua hình thức khác như dùng thủ đoạn lừa đảo, lợi dụng lòng tin, sự kém hiểu biết, thiếu trách nhiệm của cán bộ chiến sỹ có nhiệm vụ canh gác, dẫn giải để bỏ trốn.

** Hành vi bỏ trốn phải xảy ra trong quá trình đang bị giam, giữ hoặc đang bị dẫn giải, đang bị xét xử*

Trường hợp mà pháp luật hình sự coi là đang bị giam, giữ.

Những trường hợp pháp luật coi một người đang bị dẫn giải có hành vi bỏ trốn theo Điều 311 Bộ luật hình sự

Trường hợp đang bị xét xử mà bỏ trốn thì phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ, đây là điểm mới của Bộ luật hình sự 1999.

Thứ hai, hậu quả nguy hiểm của hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ

Điều 311 BLHS năm 1999 về tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải hoặc đang xét xử chỉ miêu tả hành vi phạm tội chứ không quy định hậu quả gây ra của hành vi phạm tội là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm. Hậu quả ở đây bao gồm hậu quả về vật chất, nhưng cũng có thể là phi vật chất, đó là những tác động xấu đến xã hội, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, làm tăng tội phạm trong xã hội, ảnh hưởng lớn đến việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ là tội cấu thành hình thức, trong cấu thành tội phạm không đòi hỏi dấu hiệu hậu quả là dấu hiệu bắt buộc.

Thứ ba, hoàn cảnh, thời gian, địa điểm, công cụ và thủ đoạn phạm tội

Đối với tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử tội phạm thường sử dụng nhiều thủ đoạn khác nhau nhằm thoát khỏi sự quản lý của người canh gác, dẫn giải như lợi dụng những khó khăn về cơ sở vật chất trong việc giam, giữ và dẫn giải người phạm tội hoặc lợi dụng sơ hở, lợi dụng lòng tin của người canh gác, dẫn giải để trốn. Cũng có trường hợp, người phạm tội dùng vũ lực đối với người canh gác, dẫn giải để trốn khỏi nơi giam, giữ... Xem xét vấn đề này có ý nghĩa trong việc đánh giá tính nguy hiểm cho xã hội và trong việc định khung hình phạt của tội phạm.

Thứ tư, các dấu hiệu khách quan khác

Đối với tội bỏ trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang dẫn giải, đang bị xét xử, tuy nhà làm luật không quy định dấu hiệu khách quan nào khác là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, khi xác định hành vi bỏ trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang dẫn giải, đang bị xét xử cần nghiên cứu các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an về giam, giữ, dẫn giải và xét xử.

2.4. Mặt chủ quan của tội phạm

Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang dẫn giải, đang xét xử của can phạm luôn được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ phạm tội có thể là ham muốn vật chất, ra ngoài sinh sống như những người khác mà không phải tù tội, tiếp tục phạm tội... và để thực hiện được động cơ đó, can phạm tìm cách thoát khỏi sự quản lý.

Người phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội đều nhằm những mục đích nhất định. Mục đích trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật của can phạm trong tội này mặc dù luôn tồn tại nhưng không phải là điều kiện bắt buộc trong cấu thành tội phạm.

2.5 Hình phạt áp dụng đối với Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử

2.5.1. Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự

Theo quy định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự, thì người phạm tội có thể bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm, là tội phạm nghiêm trọng.

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật hình sự, không chỉ cần nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi bỏ trốn, mà còn phải cần nhắc đến tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà người đó bị khởi tố bắt tạm giam, tạm giữ hoặc bị kết án; nhân thân người bị giam giữ.

2.5.2. Phạm tội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 311 Bộ luật hình sự

Có tổ chức

Trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử có tổ chức là trường hợp có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng bỏ trốn hoặc giữa người bỏ trốn với người không bị giam, giữ, không bị dẫn giải hoặc không bị xét xử, dưới sự chỉ huy của người cầm đầu.

Người cầm đầu, chỉ huy việc bỏ trốn có thể là người bị giam, giữ, đang bị dẫn giải hoặc đang bị xét xử, nhưng cũng có thể là người khác. Tuy nhiên, đối với người thực hành thì bao giờ cũng là người bỏ trốn.

Dùng vũ lực đối với người canh gác hoặc người dẫn giải

Khi áp dụng tình tiết này, cần chú ý:

- Chỉ cần người phạm tội đã dùng vũ lực đối với người canh giữ, dẫn giải là đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 của điều luật, mà không cần hành vi dùng vũ lực phải gây ra thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người canh giữ, dẫn giải. Tuy nhiên, nếu người phạm tội gây thương tích cho người canh giữ, dẫn giải có tỷ lệ thương tật dưới 11% thì cũng chỉ bị áp dụng khoản 2 của điều luật về tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử, mà không bị truy cứu thêm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác theo Điều 104 Bộ luật hình sự.

- Hành vi dùng vũ lực đối với người canh giữ, dẫn giải về bản chất đó là hành vi chống người thi hành công vụ, nhưng người thực hiện hành vi lại là người trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử, nên người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chống người thi hành công vụ mà chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử.

- Nếu hành vi dùng vũ lực không phải đối với người canh gác hoặc người dẫn giải mà đối với người khác thì người bỏ trốn không bị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 311 Bộ luật hình sự, mà tùy trường hợp hành vi vũ lực của người bỏ trốn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tương ứng với hành vi dùng vũ lực của người bỏ trốn như: tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, tội cướp tài sản. v.v...

- Nếu hành vi dùng vũ lực của người bỏ trốn đối với người canh gác hoặc người dẫn giải cấu thành một tội phạm khác, thì người bỏ trốn vừa bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 311 Bộ luật hình sự, vừa bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm khác.

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 311 Bộ luật hình sự, người phạm tội có thể bị phạt tù từ ba năm đến mười năm, là tội phạm rất nghiêm trọng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

1. Qua nghiên cứu trong 5 năm trở lại đây, tình hình diễn biến của tội trốn khỏi nơi giam, giữ có xu hướng giảm, tuy nhiên qua nghiên cứu thực trạng hiện nay thì loại tội phạm này có khả năng không giảm trong thời gian tới khi mà toà án cấp huyện tăng thẩm quyền các nhà tạm giam, tạm giữ không được xây dựng kịp thời và với số lượng bỏ trốn nhiều mà chưa bị bắt lại. Như vậy có thể thấy loại tội phạm này còn có những diễn biến phức tạp.

2. Nguyên nhân và điều kiện của tội trốn khỏi nơi giam, giữ bao gồm nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có sự ảnh hưởng của nguyên nhân và điều kiện phạm tội nói chung trong đó có các nguyên nhân rất cơ bản trong tình hình hiện nay như văn hoá - giáo dục, kinh tế xã hội phân chia giàu nghèo, không việc làm, nguyên nhân và điều kiện trong lĩnh vực quản lý nhà nước về an ninh trật tự, bên cạnh đó là những nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp nó có ảnh hưởng đến tội trốn khỏi nơi giam, giữ ở chỗ nó vừa là nguyên nhân cũng vừa là điều kiện cho việc phát sinh tội trốn khỏi nơi giam, giữ như thiếu tinh thần trách nhiệm, bức cung nhục hình... Nhưng nguyên nhân cơ bản nhất của loại tội phạm này là những nguyên nhân chủ quan đó là thái độ chống đối pháp luật một cách quyết liệt, song để thực hiện được việc trốn chạy cũng còn cần phải kể đến các nguyên nhân khách quan khác và là điều kiện để phát sinh tội phạm.

3. Từ những cơ sở nghiên cứu trên giúp chúng ta đưa ra dự báo về tình hình tội phạm trốn khỏi nơi giam, giữ trong thời gian tới được chính xác hơn từ đó đưa ra những giải pháp có tính khả thi để đấu tranh với tội trốn khỏi nơi giam, giữ.

Chương 3

THỰC TIỄN XÉT XỬ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN TỘI TRỐN KHỎI NƠI GIAM, GIỮ HOẶC TRỐN KHI ĐANG BỊ DẪN GIẢI, ĐANG BỊ XÉT XỬ

3.1. Thực tiễn xét xử tội "Trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử" trong 5 năm gần đây (2009 - 2013)

3.1.1. Thực trạng và diễn biến tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang xét xử, đang dẫn giải

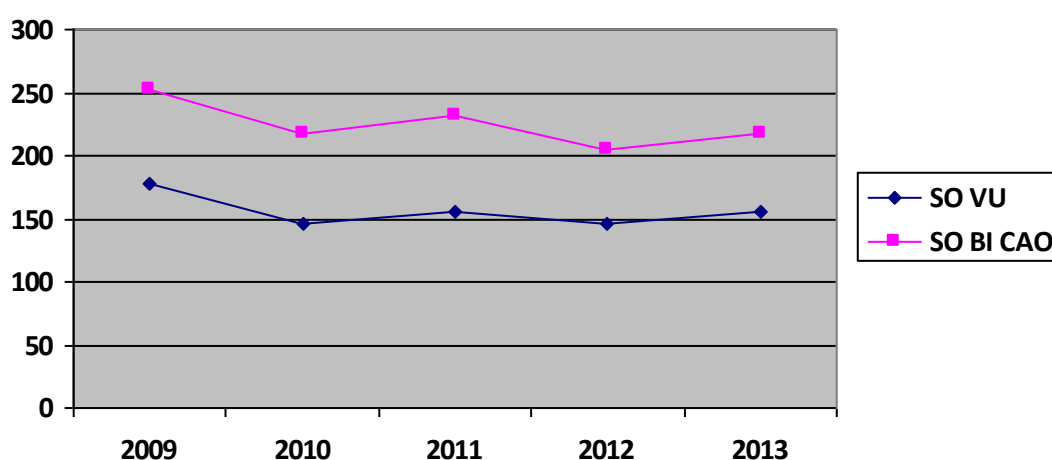
Để xem xét một cách tổng thể khách quan diễn biến của tội trốn khỏi nơi giam, giữ, (từ 2009 - 2013) cần xem xét diễn biến của tình hình tội phạm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp nói chung và tội trốn khỏi nơi giam, giữ nói riêng ở bảng 3.1 và bảng 3.2.

Bảng 3.1. Thống kê số liệu số bị cáo và số vụ án phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong 5 năm từ 2009 đến 2013

Năm	Số vụ	Mức độ gia tăng so với năm 2009 (%)	Số bị cáo	Mức độ gia tăng so với năm 2009 (%)
2009	177	100%	253	100%
2010	146	82%	218	86%
2011	155	88%	231	91%
2012	146	82%	204	81%
2013	156	88%	217	86%
Mức độ gia tăng bình quân hàng năm		- 3%		- 3,5%

(Nguồn: Văn phòng TANDTC (2013), thống kê xét xử sơ thẩm hình sự từ năm 2009 đến 2013).

Qua nghiên cứu số liệu ở bảng 3.1 cho thấy số vụ phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong vòng 5 năm trở lại đây không tăng lên mà có xu hướng giảm xuống, như vậy một trong những nguyên nhân là cơ sở vật chất các trại tạm giam, trại giam, đã được củng cố, ý thức trách nhiệm của cán bộ quản giáo được nâng cao.



Biểu đồ 3.1: Số vụ và số bị cáo phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ đã được xét xử sơ thẩm ở Việt Nam giai đoạn 2009 - 2013

(Nguồn: Văn phòng TANDTC (2013), thống kê xét xử sơ thẩm hình sự từ năm 2009 đến 2013).

Mặc dù tình hình tội phạm nói chung trong cả nước tăng lên nhưng đối với loại tội phạm này lại có xu hướng giảm. Như 2009 số vụ là 177 và với 253 bị cáo là lớn nhất nhưng các năm sau số vụ án và số bị cáo đều giảm như đến năm 2013 số vụ án chỉ còn 156 vụ với 217 bị cáo mặc dù Điều 311 BLHS năm 1999 đã có quy định thêm các hành vi trốn trong khi đang bị tạm giữ và trốn khi đang xét xử.

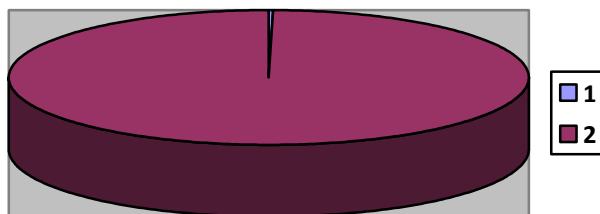
3.1.2. Cơ cấu và tính chất của tình hình tội trốn khỏi nơi giam, giữ

Bảng 3.2: Thống kê số vụ án phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp và số vụ án phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong 5 năm từ 2009 đến 2013

Năm	Số vụ án phạm tội nói chung	Số vụ án phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp (1)	Số vụ án phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ (2)	Tỉ lệ % (2/1)
2009	51.450	238	177	74%
2010	62.650	197	146	74%
2011	65.987	197	155	79%
2012	59.897	187	146	78%
2013	66.678	219	156	71%
<i>Tổng</i>	306.622	1038	780	75%

(Nguồn: Văn phòng TANDTC (2013), thống kê xét xử sơ thẩm hình sự từ năm 2009 đến 2013).

Qua bảng 3.2 ta thấy cơ cấu của tình hình tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong mối tương quan với tình hình tội phạm nói chung. Trong 5 năm toàn quốc đã xảy ra 306.622 vụ phạm tội, thì trong đó có 1038 vụ phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ chiếm tỉ lệ xấp xỉ 0,61% (xem bảng 3.2).



Biểu đồ 3.2: Cơ cấu tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong các tội phạm nói chung giai đoạn 2009 - 2013

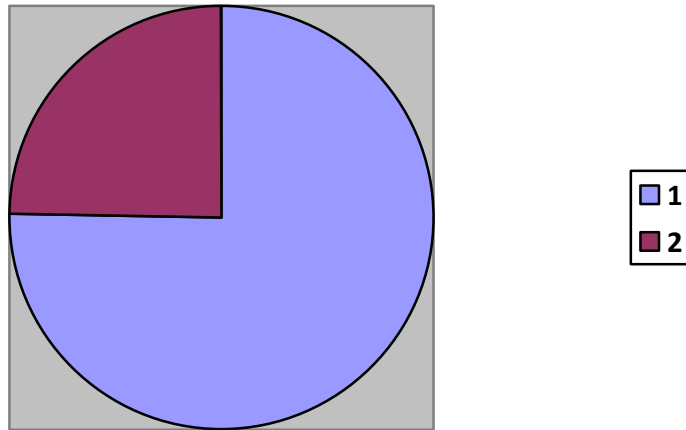
- 1 - Là tội trốn khỏi nơi giam, giữ —————> chiếm 0,61 %
- 2 - Là tổng số tội phạm nói chung —————> chiếm 99,39%

Qua biểu đồ 3.2 ta thấy tỉ lệ giữa tội trốn khỏi nơi giam, giữ với các loại tội phạm nói chung trong giai đoạn 2009 -2013 có xu hướng giảm đáng kể. Mức thấp nhất ở năm 2012 là 1,08 % thì mức thấp nhất đã giảm xuống đến 0,32% ở năm 2013 chênh lệch 0,66%.

Bảng 3.3: Bảng thống kê số liệu các bị cáo đã bị xét xử về tội trốn khỏi nơi giam, giữ với số bị cáo phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp

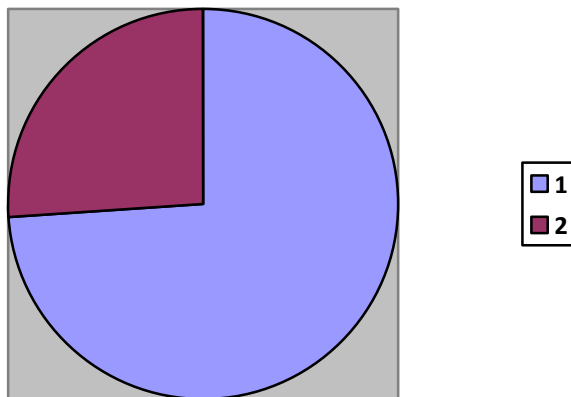
Năm	Số bị cáo phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp (1)	Số bị cáo phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ (2)	Tỉ lệ % (2/1)
2009	330	253	77%
2010	311	218	70%
2011	305	231	76%
2012	274	204	74%
2013	302	217	72%
<i>Tổng</i>	1522	1123	74%

(Nguồn: Văn phòng TANDTC (2013), thống kê xét xử sơ thẩm hình sự từ năm 2009 đến 2013).



Biểu đồ 3.3: Cơ cấu tội trốn khỏi nơi giam, giữ trong các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp giai đoạn 2009 - 2013

- 1 - Là số vụ phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ chiếm 75 %
- 2 - Là tổng số vụ phạm tội phạm xâm phạm HĐTP tư pháp khác chiếm 25%



Biểu đồ 3.4: Cơ cấu bị cáo trốn khỏi nơi giam, giữ trong nhóm các bị cáo phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp giai đoạn 2009 - 2013

- 1- Số bị cáo đã xét xử về Tội trốn khỏi nơi giam, giữ
- 2- Số bị cáo đã xét xử về Các tội khác xâm phạm hoạt động tư pháp

Qua bảng 3.3 cho thấy số lượng các bị cáo phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn trong khi đang dẫn giải, đang xét xử chiếm tỉ lệ lớn chiếm đến 70% với 1123 bị cáo trên 1522 bị cáo phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp nói chung.

Cơ cấu tình hình tội trốn khỏi nơi giam, giữ được thể hiện qua tỉ trọng giữa các loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Trong 5 năm từ 2009 đến 2013 trên toàn quốc đã xảy ra 1038 vụ xâm phạm hoạt động tư pháp thì tội trốn khỏi nơi giam, giữ là 780 vụ chiếm 75% (xem bảng 3.3). Như vậy, tội trốn khỏi nơi giam, giữ chiếm tỉ lệ lớn nhất trong các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.

Bảng 3.4: Thống kê về tình hình áp dụng hình phạt đối với bị cáo phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ ở Việt Nam giai đoạn 2009 - 2013

Năm	Không có tội	Miễn TNHS hoặc miễn hình phạt	Cảnh cáo	Phạt tiền	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù từ 3 năm đến 7 năm	Tù từ 7 năm đến 15 năm	Tù từ 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân	Có kèm hình phạt bổ sung
2009						17	175	50	2			
2010						14	147	47	1	1		1
2011						14	164	27	9	8		1
2012				1	1	11	117	43	10	3		1
2013						4	146	45	7	1		1
Tổng				1	1	60	749	212	29	13		4

Bảng 3.5: Thống kê số liệu các vụ phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong thời gian từ 2009 đến 2013

Năm	Tổng số vụ phạm tội xphđtp	Tội trốn khỏi nơi giam, giữ.	Ép buộc nhân viên tư pháp làm trái...	Ra bản án trái pháp luật	Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội	Làm sai lệch hồ sơ vụ án	Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ...	Tha trái pháp luật bị giam, giữ...	Không chấp hành án, cản trở thi ...	Cung cấp tài liệu sai sự thật, khai báo...	Đánh tháo người khỏi nơi giam, giữ...	Vi phạm niêm phong, kê biên tài sản	Không tố giác tội phạm	Dùng nhục hình	Lợi dụng chức vụ... giam, giữ người	Mua chuộc cưỡng ép người khai	Che giấu tội phạm
2009	238	177					3		27	2		3	14	3	1	1	6
2010	197	146		3			1		22	1	1	4	16		1		1
2011	197	155		4					14	2	1	4	10				7
2012	187	146	1	1		1	2		10			2	17	1			4
2013	219	156				1	5		13	1		1	31	5			6
TỔNG	1038	780	1	8		2	11		86	6	2	14	88	9	2	1	24

(Nguồn: TANDTC (2013), thống kê xét xử sơ thẩm hình sự từ 2009 đến 2013).

Qua biểu đồ 3.3 và bảng 3.2 thống kê số liệu các vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp cho thấy tội trốn khỏi nơi giam, giữ chiếm tỉ lệ lớn nhất trong các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, sau đó là các tội không chấp hành án, tội vi phạm niêm phong, kê biên tài sản.... cũng trong chương xâm phạm hoạt động tư pháp Bộ luật hình sự năm 1999 đã quy định thêm một số tội danh nhưng có tội đến nay vẫn chưa xét xử vụ nào đó là tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội (Điều 294).

3.1.3. Nhân thân người phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ

Bảng 3.6: Phân tích đặc điểm nhân thân bị cáo đã xét xử sơ thẩm (1522/1123 Bị cáo thuộc các đối tượng cần nghiên cứu mang ý nghĩa lớn nhất về mặt nhân thân)

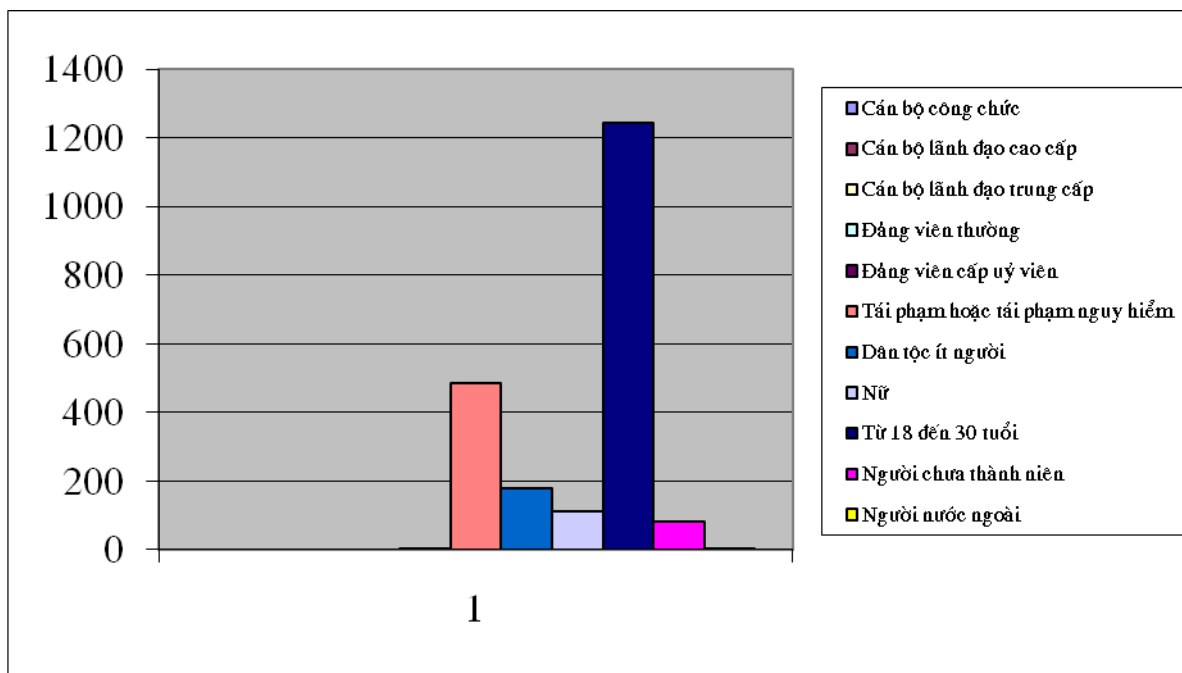
Năm	Cán bộ, công nhân viên và đảng viên					Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm	Dân tộc ít người	Nữ	Từ 18 đến 30 tuổi	Người chưa thành niên	Người nước ngoài
	Cán bộ công chức	Cán bộ lãnh đạo		Đảng viên							
		Cao cấp	Trung cấp	Đảng viên thường	Cấp uỷ viên						
2009						59	7	10	121	5	
2010						68	16	9	136	6	
2011						39	9	6	78	4	
2012					3	35	10	8	89	7	
2013				1		39	19	9	105	3	
Tổng	0	0	0	1	3	240	61	42	529	25	5

(Nguồn: TANDTC thống kê xét xử sơ thẩm hình sự giai đoạn từ 2009 đến 2013).

Theo bảng 3.6 thì tổng số bị cáo đã xét xử là 1123 trong 5 năm từ 2009 đến 2013 cho thấy số người phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ nhiều nhất là độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi, có đến 529 bị cáo chiếm tỉ lệ 30% (xem bảng 3.6). Với tỉ lệ này cho thấy những người bị phạt tù thường có tính chống đối pháp luật rất cao và coi việc bị bắt đi tù, nhất là mức hình phạt tù cao đối với họ cuộc sống của họ không còn ý nghĩa gì nữa coi như cuộc đời đã bị chấm dứt chứ họ hoàn toàn không yên tâm cải tạo trong các trại giam mà tìm cách trốn ra ngoài.

Cũng theo bảng 3.6 cho thấy số bị cáo phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ thuộc loại tái phạm và tái phạm nguy hiểm cũng rất cao với 240 bị cáo 23,8% cho thấy hiệu quả của hình phạt không đạt được, mục đích giáo dục người phạm tội để họ không phạm tội mới là không thực hiện được. Như vậy kết quả áp dụng hình phạt trong thực hiện mục đích giáo dục phòng ngừa riêng cũng như phòng ngừa chung không đạt hiệu quả.

Về giới tính cho thấy số lượng nữ bỏ trốn là 42 chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ là 3,4 % cũng cho thấy tính chống đối pháp luật cũng như ý thức giáo dục cải tạo của người phạm tội. Số liệu trên cũng phản ánh vấn đề có tính phổ biến đó là sự thiếu hiểu biết pháp luật của các đối tượng là người dân tộc thiểu số 4,6%, người chưa thành niên phạm tội 2,1%. Đây cũng là vấn đề cần quan tâm đúng mức đến các đối tượng này khi họ trong trại giam như tuyên truyền giáo dục, có khu cải tạo riêng.



Biểu đồ 3.5: Phân tích đặc điểm nhân thân bị cáo

(Nguồn: TANDTC thống kê sơ thẩm hình sự 2009 -2013)

3.2. Phương hướng hoàn thiện và nâng cao hiệu quả xét xử Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử"

3.2.2. Phương hướng hoàn thiện nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội trốn khỏi nơi giam, giữ

3.2.2.1. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm để đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả Chính phủ đã có Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới trong đó đề ra các chủ trương, biện pháp để đấu tranh với các loại tội phạm. Kèm theo Nghị quyết này ngày 31/7/1998 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg phê duyệt chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.

3.2.2.2. Các giải pháp chung về kinh tế - xã hội để thông qua đó tác động gián tiếp đến việc đấu tranh và phòng ngừa tội trốn khỏi nơi giam, giữ.

3.2.2.3. Giải pháp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về an ninh trật tự

3.2.2.4. Giải pháp về kiện toàn tổ chức hoạt động của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án, thi hành án và cán bộ tư pháp nhằm xử lý đúng người đúng tội, nghiêm minh không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội

3.2.3. Các giải pháp cụ thể

3.2.3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật

Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, luật thi hành án.

Ngoài ra, để thống nhất trong việc áp dụng pháp luật cần phải có sự thống nhất, bằng cách xây dựng Thông tư Liên tịch. Có thể đưa ra một số quy định thống nhất sau đây:

Điều 311. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị xét xử. Các hành vi phạm tội cấu thành tội phạm là:

- Hành vi bỏ trốn của người đang bị tạm giam, tạm giữ (phải là đã có lệnh

tạm giam, quyết định tạm giữ của các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc đang chấp hành hình phạt tù ở trại giam)

- Hành vi bỏ trốn của người đang bị dẫn giải gồm:

- + Hành vi bỏ trốn của người phạm tội là những người đã bị toà án kết án là có tội hiện đang phải thi hành án (đang ở trong trại tạm giam, trại tạm giam) nay phải chuyển trại hoặc dẫn giải đến nơi xét xử về một vụ án khác hoặc dẫn giải ra nơi xét xử để làm chứng v.v... cho một vụ án khác.

- + Hành vi bỏ trốn của người đã có lệnh tạm giam, quyết định tạm giữ đang bị dẫn giải có thể do chuyển trại hoặc đang trên đường về trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ hoặc dẫn giải đến nơi xét xử hoặc dẫn giải từ nơi xét xử về trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

- Hành vi bỏ trốn của bị cáo khi đang bị xét xử (trừ trường hợp bị cáo được tại ngoại vì không phải dẫn giải).

Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý và hoàn thành khi những người đang bị giam, tạm giam, tạm giữ hoặc đang bị dẫn giải, đang bị xét xử đã thoát khỏi sự quản lý của người đang canh gác hoặc dẫn giải. Nếu hành vi trên được thực hiện nhằm chống chính quyền nhân dân thì xử theo Điều 90 về tội chống phá trại giam, hành vi trốn của người bị giữ theo thủ tục hành chính, người bị tình nghi phạm tội, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang mà chưa có quyết định tạm giữ hoặc tạm giam thì không phạm tội này.

- Những người đang có lệnh tạm giam có thể là bị can, bị cáo nhưng không phải mọi bị can, bị cáo đều bị tạm giam. Vì vậy, nếu bị can, bị cáo thực hiện hành vi bỏ trốn trong khi không bị giam (không có lệnh tạm giam) như bị can trốn trong khi đang tại ngoại để điều tra hoặc người trước đây bị tạm giam nhưng đã thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác (cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh...) mà bỏ trốn thì không phạm tội này.

- Hành vi bỏ trốn trong tội trốn khỏi nơi giam, giữ luôn được thực hiện với mục đích trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật do đó cần thống nhất và phân biệt với vi phạm kỷ luật trại giam, trại tạm giam đó là việc bỏ trốn ở trại mà rõ ràng là không xuất phát từ mục đích trốn tránh pháp luật mà có mục đích để thăm người nhà... sau đó lại tự giác quay lại thì không phạm tội trốn khỏi nơi giam, giữ tuy nhiên ở một số nơi toà án vẫn xét xử về hành vi này.

- Trong trường hợp cụ thể người phạm tội đã bị toà án tuyên phạt tử hình và đang bị giam để chờ thi hành án, thì không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn khỏi nơi giam, giữ. Bởi vì, người phạm tội đã bị phạt mức án cao nhất, việc truy cứu trách nhiệm hình sự thêm một tội phạm khác là không cần thiết.

- Trường hợp người bị giam, giữ hoặc trốn khi đang dẫn giải, đang xét xử cũng không xử lý về tội này. Đó là các trường hợp tù binh chiến tranh đang bị cầm giữ nếu có hành vi bỏ trốn thì không xử lý về mặt hình sự, chỉ áp dụng trách nhiệm kỷ luật (căn cứ vào Điều 92 Công ước Ginevơ ngày 12 tháng 8 năm 1949 về việc đối xử với tù hàng binh) mà Việt Nam gia nhập ngày 5/6/1957: “Tù binh nào đã tìm cách trốn mà bị bắt lại trước khi trốn thoát sẽ chỉ có thể bị phạt kỷ luật, dù là trường hợp tái phạm”.

- Đối với người đang bị đưa vào cơ sở giáo dục theo thủ tục hành chính mà bỏ

trốn, thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay họ không phải là chủ thể của tội trốn khỏi nơi giam, giữ vì tập trung vào cơ sở giáo dục không đồng nghĩa với trại giam mà là biện pháp hành chính, được quy định trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính nên hành vi bỏ trốn trong khi đang bị tập trung trong cơ sở giáo dục không xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp. Trong trường hợp này việc truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn khỏi nơi giam, giữ là không có căn cứ.

Đối với điều luật Điều 311 đã sửa đổi nhưng về chế tài của điều luật chưa được hợp lý nên cần có sự sửa đổi theo hướng tăng nặng ở khoản 2 như sau: "... Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm:

a) Có tổ chức;

b) Dùng vũ lực đối với người canh gác hoặc người dẫn giải."

Khắc phục một trong những nguyên nhân điều kiện khiến những đối tượng trên bỏ trốn đó là tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, chiến sĩ công an, quân đội trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý, canh gác, dẫn giải người bị giam, giữ như cán bộ quản giáo, trưởng nhà tạm giữ, phó giám thị trại tạm giam, trại giam. Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung theo hướng tăng nặng cho loại tội này cụ thể là:

+ Phạm tội để người bị giam, giữ về một tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc gây hậu quả rất nghiêm trọng thì tức là tội phạm mà mức cao nhất của khung hình phạt với tội ấy từ trên 3 năm tù (Bộ luật hình sự 1985 là trên 5 năm tù) thì phải xét xử theo khoản 2 với khung hình phạt là từ 2 năm đến 7 năm tù.

+ Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm.

3.2.3.2. Tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giam, giữ cải tạo

- Về cán bộ, chiến sĩ làm việc trong các trại giam, trại tạm giam: Nhà nước cần quan tâm đúng mức đến các đối tượng này như về chế độ tiền lương, phụ cấp nghề nghiệp, chế độ khen thưởng.

- Về cơ sở vật chất trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ cần phải được củng cố và hoàn thiện nhất là hiện nay Tòa án nhân dân cấp huyện đã tăng thẩm quyền thì các điều kiện về giam, giữ sẽ cần được củng cố kịp thời.

3.2.3.3. Giáo dục cho cán bộ chiến sĩ làm nhiệm vụ giam, giữ cải tạo

Phải giáo dục cán bộ, chiến sĩ làm việc trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ luôn có thái độ đúng đắn với những người bị giam, giữ cải tạo, không khinh rẻ, miệt thị, xúc phạm, đánh đập người bị tạm giam, tạm giữ, sử dụng những biện pháp kỉ luật mà pháp luật không quy định. Trại giam phải là nơi không chỉ cải tạo những người phạm tội mà còn làm một nhiệm vụ rất quan trọng nữa là giáo dục họ hoàn lương để trở thành những người có ích trong xã hội.

3.2.3.4. Tuyên truyền phổ biến pháp luật để nhân dân nắm được các quy định của pháp luật và nghiêm chỉnh thực thi pháp luật

- Tuyên truyền cho nhân dân biết được các quy định về pháp luật nhằm phát hiện kịp thời các đối tượng bỏ trốn, không che dấu tội phạm.

- Đối với bị can, bị cáo cần phải được giáo dục học tập theo quy định tại các trại giam, trại tạm giam phải nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho họ. Trong trại cần phải thưởng phạt nghiêm minh, tài chính công khai những thành quả vật chất do họ làm ra thông báo là họ được hưởng bao nhiêu theo đúng quy

định của nhà nước. Ngăn chặn triệt để tình trạng ăn chặn, ăn bớt đồ tiếp tế của phạm nhân hoặc sách nhiễu đòi hỏi người nhà họ phải biếu xén v.v...phải làm cho nơi cải tạo giam, giữ là thực sự công tâm, công bằng.

- Việc xét giảm án tha tù phải thực sự công minh, công khai không để tình trạng chạy tiền để được tha trước thời hạn gây ảnh hưởng rất xấu đến phạm nhân đang cải tạo.

- Việc cải tạo giáo dục những người phạm tội hoàn lương đã là rất khó khăn nhưng sau khi họ thi hành án xong Nhà nước và các cấp chính quyền cần có chính sách quan tâm tạo điều kiện về việc làm để họ tái hoà nhập với cộng đồng.

3.2.3.5. Giải pháp tái hoà nhập cộng đồng

Để tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội sau khi mãn hạn tù đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa gia đình và xã hội cụ thể là:

- Khi người phạm tội đang ở trong trại giam thì trại giam phải chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho họ, để khi ra khỏi trại giam nhanh chóng tái hoà nhập cộng đồng như: tổ chức dạy nghề, dạy văn hoá, giáo dục pháp luật; tổ chức cho phạm nhân gặp gỡ gia đình, thông báo quá trình cải tạo cho gia đình, địa phương biết...

- Ủy ban nhân xã, phường, thị trấn là cơ quan chịu trách nhiệm trong việc tổ chức triển khai việc áp dụng phần lớn các biện pháp, mô hình tái hoà nhập cộng đồng. Như giới thiệu việc làm...

- Trước khi hoà nhập vào cộng đồng họ phải được hoà nhập vào chính gia đình. Gia đình phải có trách nhiệm động viên, khuyến khích để họ xoá đi mặc cảm tích cực rèn luyện, tu dưỡng bản thân ngay từ khi họ đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam.

3.2.3.6. Giải pháp về đấu tranh chuyên trách đối với loại tội phạm này

- Các cơ quan tư pháp phải nhìn nhận đối với loại tội này có tính chất nguy hiểm đáng kể tăng lên chứ không phải đơn thuần là họ phạm vào một tội do Bộ luật hình sự quy định vì bản thân họ đang phạm một tội khác. Do đó, khi đánh giá và áp dụng hình phạt cần đánh giá đúng mức đến tính chất nguy hiểm cho xã hội và nhân thân người phạm tội.

- Phải có chính sách hình sự rõ ràng đối với người phạm tội này đầu thú hay tự thú, vận động gia đình họ khuyến họ gia đầu thú.

- Thực hiện tốt công tác nhân khẩu, hộ khẩu khai báo tạm trú, tạm vắng đặc biệt là các thành phố lớn, vùng sâu vùng xa nơi khó quản lý hoặc quản lý lỏng lẻo.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ diễn biến của tình hình tội phạm và những nguyên nhân và điều kiện của tội trốn khỏi nơi giam, giữ có thể đưa ra những dự báo về diễn biến của tội phạm này trong thời gian tới cũng như đưa ra các giải pháp nhằm đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đó là loại bỏ những nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm.

1. Dự báo tình hình diễn biến tội trốn khỏi nơi giam, giữ còn có nhiều diễn biến phức tạp vì những nguyên nhân và điều kiện chủ quan là tội phạm nói chung tăng, loại tội phạm có tổ chức ngày càng nhiều, số lượng tội phạm tái phạm tăng lên, các nguyên nhân khác quan còn tiềm ẩn nhiều vấn đề chưa được giải quyết như cơ sở vật chất các trại, cách quản lý, tinh thần trách nhiệm... do đó tình hình

tội phạm sẽ còn có những diễn biến phức tạp. Không những tội phạm có thể gia tăng mà khả năng ứng phó của các cơ quan khó được cải thiện cả về con người lẫn phương tiện, nhất là trong giai đoạn sắp tới tiến trình tăng thẩm quyền cho cấp huyện tiếp tục, các cơ quan tư pháp sẽ cơ cấu lại theo tinh thần Nghị Quyết 49 của Bộ Chính Trị, cơ quan thi hành án sẽ thuộc Bộ Tư Pháp quản lý thống nhất trong cả nước thì khó có thể đấu tranh phòng, chống tội phạm này có hiệu quả.

2. Các nguyên nhân và điều kiện phạm tội của tội trốn khỏi nơi giam, giữ sẽ phải được triệt tiêu thì mới đấu tranh phòng chống tội phạm này có hiệu quả muốn như vậy, Nhà nước cần phải có những giải pháp đồng bộ từ đường lối, chính sách, quan điểm của Đảng cho đến các giải pháp chung như về hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, các giải pháp về văn hoá giáo dục, kinh tế xã hội, giải pháp về an ninh trật tự, giải pháp về tổ chức biên chế các cơ quan tư pháp. Tuy nhiên các giải pháp riêng cụ thể đối với tội trốn khỏi nơi giam, giữ là hoàn thiện pháp luật về tội trốn khỏi nơi giam, giữ đó là có sự giải thích rõ ràng về cấu thành tội phạm, loại trừ các nguyên nhân chủ quan và khách quan thì nhà nước cần phải quan tâm hơn nữa về cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ đối với người làm công tác trong các cơ quan tư pháp. Một yếu tố quan trọng nữa đó là giáo dục tuyên truyền cho những người phạm tội để họ yên tâm cải tạo, chấp hành pháp luật, phải có sự quan tâm đúng mức của các cấp chính quyền, gia đình để họ có thể tái hoà nhập cộng đồng.

Giáo dục cho những người làm trong cơ quan tư pháp bản lĩnh nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm bên cạnh đó là chế độ đãi ngộ cho những người làm công tác này.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu về tội trốn khỏi nơi giam, giữ trên các phương diện từ lịch sử, thực tiễn cũng như các nguyên nhân và điều kiện của loại tội phạm này cho thấy đây là loại tội phạm rất nguy hiểm chính vì thế mà từ các triều đại phong kiến Việt Nam đã luôn quy định là tội phạm vì nó xâm hại đến tính đúng đắn của pháp luật, pháp luật không được thực hiện.

Kế thừa những giá trị lập pháp, Nhà nước ta cũng luôn xác định hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, biểu hiện thái độ chống đối quyết liệt của người phạm tội. Hành vi bỏ trốn của người phạm tội đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, người phạm tội đã không ăn năn hối cải mà còn ngoan cố chống đối pháp luật bằng việc thực hiện hành vi bỏ trốn. Hậu quả của việc bỏ trốn là luật pháp không được thực thi, không được coi trọng, mặt khác tội phạm khi đã bỏ trốn thường tiếp tục phạm tội gây ra mối lo ngại trong xã hội. Từ những cơ sở nghiên cứu trên có thể đưa ra một số kết luận và nhận xét về tình hình diễn biến cũng như đưa ra các biện pháp đấu tranh đối với loại tội phạm này như sau:

- Về mặt pháp luật

Hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ luôn được quy định là tội phạm tại các văn bản pháp luật từ 1945 đến nay, nhưng nó cũng luôn được sửa đổi bổ sung bắt đầu từ những quy định tại các văn bản của Nhà nước như Sắc Lệnh, Sắc luật... các văn bản này còn quy định cả những hành vi bỏ trốn của người có lệnh truy nã cũng là

tội phạm trốn khỏi nơi giam, giữ. Pháp điển hóa lần thứ nhất Bộ luật hình sự năm 1985 đã quy định chỉ các hành vi bỏ trốn của người đã có lệnh tạm giam, lệnh giam và đang bị tạm giam, bị giam mới là tội phạm. Tuy nhiên, trong quá trình thực tiễn đấu tranh với loại tội phạm này cho thấy cần bổ sung các hành vi bỏ trốn khi đang bị dẫn giải, đang bị tạm giữ mà có lệnh tạm giữ là tội phạm trong lần pháp điển hóa lần thứ hai Bộ luật hình sự năm 1999. Điều này cho thấy Nhà nước luôn thể hiện thái độ kiên quyết đấu tranh với loại tội phạm này, cũng như thấy được hậu quả không kiểm soát được khi người phạm tội bỏ trốn.

Mặc dù vậy, về mặt nghiên cứu pháp luật cũng chưa có một công trình nào nghiên cứu đầy đủ toàn diện về tội trốn khỏi nơi giam, giữ các hướng dẫn pháp luật cũng ít được quan tâm. Do đó, cần phải có sự hướng dẫn pháp luật một cách cụ thể cho các cơ quan thực thi pháp luật để được áp dụng thống nhất, hiện nay các cơ quan pháp luật đang nghiên cứu hướng dẫn bằng một thông tư liên ngành về chương xâm phạm hoạt động tư pháp trong đó có Điều 311 Tội trốn khỏi nơi giam, giữ như thế là quá muộn khi mà Bộ luật hình sự năm 1999 đã có hiệu lực từ năm 2000. Theo quan điểm cá nhân có thể thực hiện theo hướng dẫn Điều 311 tại phần các giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật của luận văn này. Về điều luật tại khoản 2 có thể nâng mức hình phạt lên 20 năm tù mới đủ sức răn đe cũng như phù hợp với tính chất của loại tội phạm có tổ chức.

- Về nguyên nhân và điều kiện của tội trốn khỏi nơi giam, giữ

Nguyên nhân và điều kiện của tội trốn khỏi nơi giam, giữ là phức tạp đa dạng song qua nghiên cứu cho thấy, nguyên nhân chủ yếu đó là sự chống đối pháp luật một cách quyết liệt của người phạm tội. Qua kết quả nghiên cứu nhân thân cho thấy người phạm tội chủ yếu là các đối tượng tái phạm, tái phạm nguy hiểm, ít được giáo dục hoặc thiếu hiểu biết pháp luật. Những đối tượng này thường bỏ trốn không phải vì họ sợ nhà tù mà họ thường coi thường pháp luật. Do đó, để đấu tranh với các đối tượng này là kiên quyết xét xử phải nghiêm minh. Tuy nhiên, không phải không có các nguyên nhân khách quan khác đã nêu như chế độ trong tù, đối xử, cơ sở vật chất, công bằng, quân phiệt... cũng làm cho người phạm tội nảy sinh tư tưởng bỏ trốn. Đối với tội này điều kiện trốn là rất quan trọng vì nếu không để nảy sinh ra các điều kiện này thì tội phạm khó có thể bỏ trốn đó là cách thức quản lý phạm nhân, cơ sở vật chất của các trại, ý thức trách nhiệm của các cán bộ trại tạm giam, trại giam...

- Về các giải pháp đấu tranh phòng ngừa tội trốn khỏi nơi giam, giữ

Căn cứ vào tình hình và những nguyên nhân, điều kiện của tội trốn khỏi nơi giam, giữ cho thấy để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống loại tội phạm nguy hiểm này cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp bao gồm các giải pháp chung về văn hoá-giáo dục, kinh tế-xã hội, an ninh-trật tự... để ngăn ngừa tình hình tội phạm nói chung trong đó có tội trốn khỏi nơi giam, giữ. Các giải pháp riêng để đấu tranh riêng đối với tội trốn khỏi nơi giam, giữ đó là các giải pháp về hoàn thiện pháp luật, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 49 của Bộ chính trị nhằm xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nêu cao tinh thần trách nhiệm của cơ quan tố tụng và những người tiến hành tố tụng, tăng cường cơ sở vật chất quy định quy chế chặt chẽ do các trại, tuyên truyền giáo dục cho phạm nhân, quản lý chặt về quản lý xã hội nhân khẩu hộ khẩu, đổi mới cách quản lý./.